



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018.

Số: /SCIEC - CBTT

(V/v: Báo cáo tài chính bán niên 2018 đã
được kiểm toán)

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải - Giám đốc công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên 2018 của Công ty CP SCIE&C được lập ngày 13/08/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.sci-enc.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phan Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10-38

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/05/2018
Ông Hoàng Công Tuấn	Thành viên	
Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Triệu Quang Hà	Thành viên độc lập	

Ban Giám đốc

Ông Phan Thanh Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/05/2018
Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/05/2018
Ông Lê Văn Bảo	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Hoàng Công Tuấn	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	
Ông Phan Thanh Hải	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/05/2018

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018



Số: 600/BCKT/TC/NV8

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI E&C

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 07 năm 2018, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2014-126-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		630.270.815.169	578.606.245.017
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	49.695.076.819	32.166.855.093
1. Tiền	111		49.695.076.819	32.166.855.093
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	991.000.000	250.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		991.000.000	250.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.797.549.345	297.188.763.503
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	145.806.238.825	244.383.278.364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	46.708.216.533	46.845.642.188
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	17.839.561.007	11.516.309.971
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.556.467.020)	(5.556.467.020)
IV. Hàng tồn kho	140	11	359.653.964.561	242.139.840.732
1. Hàng tồn kho	141		359.653.964.561	242.139.840.732
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.133.224.444	6.860.785.689
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.426.781.679	1.177.610.418
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.657.304.866	5.587.038.892
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	49.137.899	96.136.379
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.175.619.086	168.504.656.638
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		147.500.000	147.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	147.500.000	147.500.000
II. Tài sản cố định	220		151.706.143.687	146.817.340.515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	151.603.018.688	146.817.340.515
- Nguyên giá	222		243.714.108.683	224.969.582.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.111.089.995)	(78.152.241.641)
2. Tài sản cố định vô hình	227		103.124.999	-
- Nguyên giá	228		110.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.875.001)	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000.000	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.321.975.399	1.539.816.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.321.975.399	1.539.816.123
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		803.446.434.255	747.110.901.655

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		662.239.163.335	610.088.184.854
I. Nợ ngắn hạn	310		614.330.786.903	570.013.231.227
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	148.383.474.717	171.517.508.508
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	98.460.528.215	120.564.091.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.568.566.232	1.479.574.325
4. Phải trả người lao động	314		12.968.588.219	29.863.324.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	63.632.657.698	40.154.820.654
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	31.833.607.332	6.974.572.152
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	255.924.786.249	198.306.046.320
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.558.578.241	1.153.292.477
II. Nợ dài hạn	330		47.908.376.432	40.074.953.627
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	47.908.376.432	40.074.953.627
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.207.270.920	137.022.716.801
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	141.207.270.920	137.022.716.801
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.560.557.541	7.304.985.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.646.713.379	29.717.730.876
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		26.560.673.496	14.380.586.772
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.086.039.883	15.337.144.104
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		803.446.434.255	747.110.901.655

Uth



Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	392.451.900.609	286.409.601.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		392.451.900.609	286.409.601.962
4. Giá vốn hàng bán	11	23	366.318.246.395	256.997.940.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.133.654.214	29.411.661.373
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.153.935.128	1.286.986.398
7. Chi phí tài chính	22	25	10.592.511.784	12.353.141.723
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.590.259.585	12.297.654.058
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.990.210.419	12.885.839.676
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		5.704.867.139	5.459.666.372
11. Thu nhập khác	31	27	741.031.589	37.448.441
12. Chi phí khác	32	28	78.079.186	177.776.209
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		662.952.403	(140.327.768)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.367.819.542	5.319.338.604
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	1.281.779.659	1.076.921.726
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.086.039.883	4.242.416.878
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	509	424

Handwritten signature



Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.367.819.542	5.319.338.604
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		13.965.723.355	10.389.863.819
- Các khoản dự phòng	03		-	(139.297.128)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(71.175.814)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.141.310.389)	(1.173.826.891)
- Chi phí lãi vay	06		10.590.259.585	12.297.654.058
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.782.492.093	26.622.556.648
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		85.397.083.953	(76.366.523.407)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(117.514.123.829)	(80.145.468.366)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(20.303.955.501)	102.192.356.594
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(31.330.537)	2.947.330.631
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.647.322.503)	(11.499.480.614)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.237.785.057)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(196.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.751.141.381)	(36.249.228.514)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.543.972.727)	(7.801.539.413)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(741.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		112.173.100	2.192.643.558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.172.799.627)	(5.608.895.855)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		416.913.492.134	286.134.072.928
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(351.461.329.400)	(199.734.901.213)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		65.452.162.734	81.399.171.715

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		17.528.221.726	39.541.047.346
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.166.855.093	59.401.556.239
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>49.695.076.819</u>	<u>98.942.603.585</u>

Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 25/05/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 100.000.000.000 đồng; trong đó 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê nhân lực có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Ngành nghề kinh doanh (tiếp)

- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP SCI E&C - Chi nhánh Miền Nam	Sóc Trăng	Xây lắp

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.574.648.721	1.089.170.178
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.120.428.098	31.077.684.915
	49.695.076.819	32.166.855.093

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	991.000.000	991.000.000	250.000.000	250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	991.000.000	991.000.000	250.000.000	250.000.000
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu (*)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	20.991.000.000	20.991.000.000	20.250.000.000	20.250.000.000

(*) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng, số lượng 20 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu từ ngày 29/06/2016 đến ngày 29/06/2021. Lãi trái phiếu thanh toán 1 năm/lần vào ngày 29/06 hàng năm. Khoản đầu tư trái phiếu được hình thành từ hợp đồng ủy thác đầu tư số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chợ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI	38.968.636.392	26.448.963.216
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	6.653.450.713	11.463.713.231
Công ty TNHH SCI Nghệ An	1.659.306.650	22.395.438.560
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	36.260.795.840	125.928.923.363
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	16.013.291.948	16.013.291.948
Các khoản phải thu khách hàng khác	46.250.757.282	42.132.948.046
	145.806.238.825	244.383.278.364
Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>	40.627.943.042	48.844.401.776

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH GUANGZHOU YAOHUANG	-	-	2.093.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	6.232.382.284	-	6.664.839.248	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	6.108.999.999	-	8.379.148.864	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	15.201.732.497	-	15.201.732.497	-
Trả trước cho người bán khác	19.165.101.753	-	14.506.921.579	-
	46.708.216.533	-	46.845.642.188	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

9 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.058.448.400	-	1.029.311.111	-
Phải thu người lao động	679.543.375	-	1.154.106.227	-
Tạm ứng	9.984.676.628	-	4.416.736.716	-
Ký cược, ký quỹ	3.500.000	-	3.500.000	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	1.111.882.299	-	2.607.389.570	-
Công ty Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Phải thu khác	2.703.360.305	(383.541.210)	1.007.116.347	(383.541.210)
	17.839.561.007	(383.541.210)	11.516.309.971	(383.541.210)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	147.500.000	-	147.500.000	-
	147.500.000	-	147.500.000	-

10 . NỢ XẤU

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Xây lắp và phát triển Thành Nam	6.248.083.094	3.124.041.547	6.248.083.094	3.124.041.547
- Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	1.712.594.711	3.425.189.422	1.712.594.711
- Các khoản khác	719.830.762	-	719.830.762	-
	10.393.103.278	4.836.636.258	10.393.103.278	4.836.636.258

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.832.784.031	-	21.543.174.153	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	330.821.180.530	-	220.596.666.579	-
	359.653.964.561	-	242.139.840.732	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2018	11.221.128.927	142.116.620.172	71.044.200.686	587.632.371	-	-	-	-	-	-	224.969.582.156	
Mua sắm	-	16.492.430.164	2.252.096.363	-	-	-	-	-	-	-	18.744.526.527	
Tại ngày 30/06/2018	11.221.128.927	158.609.050.336	73.296.297.049	587.632.371	-	-	-	-	-	-	243.714.108.683	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2018	6.798.165.240	44.692.669.217	26.273.437.799	387.969.385	-	-	-	-	-	-	78.152.241.641	
Trích khấu hao	140.264.112	8.816.736.078	4.956.725.974	45.122.190	-	-	-	-	-	-	13.958.848.354	
Tại ngày 30/06/2018	6.938.429.352	53.509.405.295	31.230.163.773	433.091.575	-	-	-	-	-	-	92.111.089.995	
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2018	4.422.963.687	97.423.950.955	44.770.762.887	199.662.986	-	-	-	-	-	-	146.817.340.515	
Tại ngày 30/06/2018	4.282.699.575	105.099.645.041	42.066.133.276	154.540.796	-	-	-	-	-	-	151.603.018.688	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 122.459.268.719 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.355.641.632 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.190.259.031	792.255.376
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	236.522.648	385.355.042
	1.426.781.679	1.177.610.418
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	890.954.385	1.223.887.093
Chi phí sửa chữa văn phòng	62.641.222	139.307.072
Chi phí nhà xưởng đúc cọc Long Phú	-	176.621.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	368.379.792	-
	1.321.975.399	1.539.816.123

14 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP SCI	17.802.160.032	17.802.160.032	13.024.751.085	13.024.751.085
Công ty CP DVC Việt Nam	12.461.975.224	12.461.975.224	12.605.286.378	12.605.286.378
Công ty TNHH DONARCO	45.793.000	45.793.000	16.058.148.425	16.058.148.425
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	10.425.800.000	10.425.800.000	17.810.692.800	17.810.692.800
Công ty TNHH Phát triển CN Tân Hoàng Mai	13.010.679.776	13.010.679.776	11.095.369.161	11.095.369.161
VOITH HYDRO PRIVATE LIMITED	6.716.608.259	6.716.608.259	11.512.148.442	11.512.148.442
Công ty TNHH PETRO Lào	14.159.040.009	14.159.040.009	14.159.040.009	14.159.040.009
Phải trả các đối tượng khác	73.761.418.417	73.761.418.417	75.252.072.208	75.252.072.208
	148.383.474.717	148.383.474.717	171.517.508.508	171.517.508.508
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	17.952.671.511	17.952.671.511	13.176.025.248	13.176.025.248

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	48.067.983.804	54.398.244.034
Công ty TNHH SCI Nghệ An	39.837.667.255	51.491.395.261
Công ty CP SCI Lai Châu	8.800.000.000	12.500.000.000
Khách hàng khác	1.754.877.156	2.174.452.680
	<u><u>98.460.528.215</u></u>	<u><u>120.564.091.975</u></u>
b) Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan		
	<u><u>48.637.667.255</u></u>	<u><u>63.991.395.261</u></u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.120.846	-	-	42.502.056.772	42.497.517.772	2.581.846	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	39.861.960	39.861.960	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.175.121.336	1.281.779.659	1.237.785.057	1.237.785.057	-	-	-	-	-	1.219.115.938	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	259.657.939	741.130.675	42.459.480	696.133.370	-	-	-	-	-	304.655.244	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	89.015.533	-	-	-	-	-	-	46.556.053	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	-	-	-	-	-	-	-	-	5.190.507	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.604.543	-	-	-	-	-	-	-	-	-	39.604.543
	96.136.379	1.479.574.325	44.607.288.546	44.471.298.159	49.137.899	1.568.566.232						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	322.088.538	248.318.122
Trích trước chi phí các công trình	63.310.569.160	39.906.502.532
	<u>63.632.657.698</u>	<u>40.154.820.654</u>

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	589.162.546	432.816.249
Bảo hiểm xã hội	-	3.461.470
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	27.247.274.258	4.306.819.108
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	1.807.623.737	1.280.598.517
Phải trả lãi vay	-	130.833.334
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.189.546.791	820.043.474
	<u>31.833.607.332</u>	<u>6.974.572.152</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	182.297.878.260	182.297.878.260	389.624.160.909	337.883.829.240	234.038.209.929	234.038.209.929
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽²⁾	144.041.428.661	144.041.428.661	371.305.871.315	308.256.355.070	207.090.944.906	207.090.944.906
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽³⁾	24.256.449.599	24.256.449.599	17.318.289.594	28.627.474.170	12.947.265.023	12.947.265.023
- Công ty CP DVC Việt Nam ⁽³⁾	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	16.008.168.060	16.008.168.060	17.955.908.420	12.077.500.160	21.886.576.320	21.208.023.060
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	3.360.250.000	3.360.250.000	2.768.000.000	1.752.250.000	4.376.000.000	4.376.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	12.647.918.060	12.647.918.060	14.509.355.160	10.325.250.160	16.832.023.060	16.832.023.060
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	-	678.553.260	-	678.553.260	-
	198.306.046.320	198.306.046.320	407.580.069.329	349.961.329.400	255.924.786.249	255.246.232.989
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	32.236.985.940	32.236.985.940	16.613.129.925	14.509.355.160	34.340.760.705	34.340.760.705
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁵⁾	7.837.967.687	7.837.967.687	5.783.435.000	2.768.000.000	10.853.402.687	10.853.402.687
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁶⁾	-	-	3.392.766.300	678.553.260	2.714.213.040	2.714.213.040
	40.074.953.627	40.074.953.627	25.789.331.225	17.955.908.420	47.908.376.432	47.908.376.432

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 700.000.000.000 01/2017/283367/HĐTD ngày 17/03/2017		Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	106.752.347.420	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng tín dụng số 500.000.000.000 01/2018/283367/HĐTDH ngày 07/05/2018		Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/05/2019	100.338.597.486	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng tín dụng số 10.000.000.000 17293/HMCSV/HĐTD.DAH ngày 31/07/2017		Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng là đến 30/06/2018	12.947.265.023	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Công ty Cổ phần DVC Việt Nam Hợp đồng vay vốn số 10.000.000.000 01/HEVV/2017 ngày 04/07/2017		Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	10.000.000.000	Tín chấp
	Hợp đồng vay vốn số 4.000.000.000 02/HEVV/2017 ngày 19/09/2017		Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	4.000.000.000	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 04/2014/283367/HĐTĐ ngày 18/12/2014	6.195.600.000	Lãi suất ban đầu là 11%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 6)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	51.172.783.765 1.830.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTĐ ngày 11/08/2015	11.470.014.114	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5.169.411.765	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2015/283367/HĐTĐ ngày 28/09/2015	3.111.500.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	827.372.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTĐ ngày 31/08/2016	8.075.200.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	4.715.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTĐ ngày 14/10/2016	4.235.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2.2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	2.520.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HĐTĐ ngày 03/11/2016	13.571.293.400	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 3.1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	7.415.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (tiếp)						
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTD ngày 05/06/2017	8.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	4.980.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 16/06/2017	642.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3.2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	377.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 07/11/2017	20.847.629.925	Lãi suất cố định 10,5%/năm đến hết 31/12/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 2.2)	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	18.594.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/283367/HĐTD ngày 12/06/2018	17.278.800.000	Áp dụng lãi suất cho vay là 10.0%/năm đến hết ngày 30/09/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	1.645.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTD ngày 27/03/2018	8.500.000.000	Áp dụng lãi suất cho vay là 10.0%/năm đến hết ngày 30/06/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	3.099.800.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh					15.229.402.687	
	Hợp đồng vay số 15189/TH.HỆTD.DAH ngày 26/08/2015	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	Mua tài tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Sormi Romóoc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	398.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 16135/TH.HỆTD.DAH ngày 30/05/2016	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	9.207.452.986	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 17293/TH.HỆTD.DAH ngày 21/05/2018	22.638.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,2%/ năm	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	5.623.949.701	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Tây Hà Nội					3.392.766.300	
	Hợp đồng vay số 01/2018- HDDCVDADDT/NHCT146- SCI E&C ngày 25/06/2018	9.500.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	3.392.766.300	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017				
Tại ngày 01/01/2017	100.000.000.000	6.750.741.041	20.530.428.928	127.281.169.969
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	4.242.416.878	4.242.416.878
Chia cổ tức năm trước	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	554.244.884	(849.842.156)	(295.597.272)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 30/06/2017	100.000.000.000	7.304.985.925	18.623.003.650	125.927.989.575
Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018				
Tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	7.304.985.925	29.717.730.876	137.022.716.801
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	5.086.039.883	5.086.039.883
Phân phối lợi nhuận	-	2.255.571.616	(2.857.057.380)	(601.485.764)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	100.000.000.000	9.560.557.541	31.646.713.379	141.207.270.920

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	15.037.144.104
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	2.255.571.616
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,00%	601.485.764
Lợi nhuận chưa phân phối	81,00%	12.180.086.724

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2018 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2018 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	60,50%	60.500.000.000	60,50%	60.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39,50%	39.500.000.000	39,50%	39.500.000.000
	100%	100.000.000.000	100%	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	5.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	5.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	7.304.985.925
	9.560.557.541	7.304.985.925

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2018	01/01/2018
Đồng đô la Mỹ (USD)	440,46	440,46
Kip Lào	97,33	-

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	29.925.674.033	10.575.772.556
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	697.342.908
Doanh thu hợp đồng xây dựng	362.526.226.576	275.136.486.498
	392.451.900.609	286.409.601.962

Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

132.574.062.336	191.415.197.158
------------------------	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	28.775.472.402	10.478.967.557
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	645.050.873
Giá vốn hợp đồng xây dựng	337.542.773.993	245.873.922.159
	366.318.246.395	256.997.940.589

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.141.310.389	1.173.826.891
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	12.624.739	41.983.693
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	71.175.814
	1.153.935.128	1.286.986.398

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.590.259.585	12.297.654.058
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.252.199	55.487.665
	10.592.511.784	12.353.141.723

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	934.250.603	1.093.857.719
Chi phí nhân công	5.344.241.872	4.677.817.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	413.088.948	386.339.300
Thuế, phí, lệ phí	899.527.445	335.755.880
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	(118.259.596)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.394.780.705	2.720.972.155
Chi phí khác bằng tiền	1.004.320.846	3.789.356.726
	10.990.210.419	12.885.839.676

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

27 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Tiền bồi thường thu được	741.000.000	-
Thu nhập khác	31.589	37.448.441
	741.031.589	37.448.441

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí không được trừ khi tính thuế	41.078.754	65.270.027
Chi phí khác	37.000.432	112.506.182
	78.079.186	177.776.209

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.367.819.542	5.319.338.604
Các khoản điều chỉnh tăng	41.078.754	65.270.027
- Chi phí không hợp lệ	41.078.754	65.270.027
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	6.408.898.296	5.384.608.631
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.281.779.659	1.076.921.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.175.121.336	(52.863.721)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.237.785.057)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.219.115.938	1.024.058.005

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.086.039.883	4.242.416.878
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.086.039.883	4.242.416.878
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	509	424

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.245.897.423	126.226.313.693
Chi phí nhân công	53.078.154.370	44.230.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.958.848.354	10.389.863.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.571.019.993	119.344.598.581
Chi phí khác bằng tiền	3.410.260.060	55.546.684.796
	226.264.180.200	355.737.460.889

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trong đương tiền	49.695.076.819	-	32.166.855.093	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	163.793.299.832	(5.556.467.020)	256.047.088.335	(5.556.467.020)
Đầu tư ngắn hạn	991.000.000	-	250.000.000	-
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	234.479.376.651	(5.556.467.020)	308.463.943.428	(5.556.467.020)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			303.833.162.681	238.380.999.947
Phải trả người bán, phải trả khác			180.217.082.049	178.492.080.660
Chi phí phải trả			63.632.657.698	40.154.820.654
			547.682.902.428	457.027.901.261

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.695.076.819	-	-	49.695.076.819
Phải thu khách hàng, phải thu khác	158.089.332.812	147.500.000	-	158.236.832.812
Đầu tư ngắn hạn	991.000.000	-	-	991.000.000
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	208.775.409.631	20.147.500.000	-	228.922.909.631
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.166.855.093	-	-	32.166.855.093
Phải thu khách hàng, phải thu khác	250.343.121.315	147.500.000	-	250.490.621.315
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	282.759.976.408	20.147.500.000	-	302.907.476.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2018				
Vay và nợ	255.924.786.249	47.908.376.432	-	303.833.162.681
Phải trả người bán, phải trả khác	180.217.082.049	-	-	180.217.082.049
Chi phí phải trả	63.632.657.698	-	-	63.632.657.698
	<u>499.774.525.996</u>	<u>47.908.376.432</u>	<u>-</u>	<u>547.682.902.428</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	198.306.046.320	40.074.953.627	-	238.380.999.947
Phải trả người bán, phải trả khác	178.492.080.660	-	-	178.492.080.660
Chi phí phải trả	40.154.820.654	-	-	40.154.820.654
	<u>416.952.947.634</u>	<u>40.074.953.627</u>	<u>-</u>	<u>457.027.901.261</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Lãnh thổ Việt Nam VND	Lãnh thổ nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	348.907.168.503	43.544.732.106	392.451.900.609
Tài sản bộ phận	667.869.072.377	135.577.361.878	803.446.434.255
Tổng chi phí mua TSCĐ	18.744.526.527	-	18.744.526.527

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
		đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	37.413.275.412	68.225.080.043
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	95.160.786.924	123.190.117.115
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	4.787.234.663	3.532.671.885
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	800.965.171	307.042.221

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	38.968.636.392	26.448.963.216
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	1.659.306.650	22.395.438.560
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	17.802.160.032	13.024.751.085
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con cùng Tập đoàn	150.511.479	151.274.163

Người mua trả tiền trước

Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	39.837.667.255	51.491.395.261
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con cùng Tập đoàn	8.800.000.000	12.500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
	đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.947.011.833	1.489.874.957

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm định và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

